

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 42/2020/HSST

Ngày: 08-5-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thế Dũng và bà Nguyễn Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Dư Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

PHAN VĂN Đ, sinh năm 1973 tại H; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị C (đã chết); bị cáo có vợ là Phan Thị V, sinh năm 1975; bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 26-10-2019, điều khiển xe ô tô gây tai nạn giao thông làm 01 người chết. Ngày 03-12-2019, bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Huỳnh Khánh N, sinh năm 2001 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Huỳnh Khánh N: Ông Huỳnh N, sinh năm 1970, Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn P, xã I, huyện C, G. Bà L vắng mặt, ông N có mặt.

*** Bị đơn dân sự:** Bà Trần Thị T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 4, Khối 8, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ. Vắng mặt.

***Người làm chứng:**

- Phan T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện P, tỉnh T. Vắng mặt.

- Nguyễn T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện C, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

- Bà Lương C, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ. Vắng mặt.
- Trần Thị N, sinh năm 1981. Địa chỉ: 62/34 L, Tổ 5, phường T, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định được như sau:

PHAN VĂN Đ và Phan T có giấy phép lái xe hạng E theo quy định, là lái xe cho hãng xe khách Gia Bảo (do bà Trần Thị T làm chủ). Vào khoảng 13 giờ ngày 26-10-2019, Phan T điều khiển xe ô tô khách biển số 47B-005.29 chở khách đi từ bến xe huyện K, tỉnh Đ đến bến xe phía Nam thành phố H; trên xe gồm có Đ, bà Lương C (là phụ xe) ngồi ở ghế đầu, phía bên phụ và 04 người khách (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ). Đến 15 giờ cùng ngày, khi đến địa phận huyện E, tỉnh Đ thì Đ thay anh Phan T điều khiển xe ô tô biển số 47B-005.29 đi về hướng TP.P, tỉnh G. Đến 16 giờ 40 phút cùng ngày, khi đến ngã ba đường N – P thuộc địa phận Tổ 4, phường P, TP.P, tỉnh G, hướng ngã tư H đi ngã ba H, Đ điều khiển xe ô tô biển số 47B-005.29 đi chậm lại để đón 01 người khách. Lúc này, chị Huỳnh Khánh N điều khiển xe mô tô biển số 79-254NU lưu thông cùng chiều từ phía sau vượt xe ô tô biển số 47B-005.29 của Đ đi vào đường N. Khi chị N đi đến đối diện showroom ô tô Mazda (Địa chỉ: 244 N, phường P, Tp. P, tỉnh G), cách xe ô tô của Đ khoảng 45m, thì gặp anh Nguyễn S (là bạn N) nên tắt xe vào dừng sát lề phải đường N, hướng ngã tư H đi ngã ba H (xe vẫn nổ máy), đứng nói chuyện với anh S. Nói chuyện được khoảng 1 đến 2 phút thì chị N điều khiển xe mô tô biển số 79-254NU đi từ lề phải đường N tới phía trước, hướng đi ngã ba H (xe lưu thông ở làn trong, sát vạch sơn trắng chia làn giữa và làn trong cùng của đường N). Sau khi đón khách xong, Đ điều khiển xe ô tô biển số 47B-005.29 với tốc độ khoảng 30km/h (theo lời khai của bị can), lưu thông ở làn giữa, sát vạch sơn trắng chia làn giữa và làn trong cùng của đường N, hướng đi ngã ba H. Lúc này, có 01 xe ô tô khách màu xanh (chưa rõ biển số) lưu thông cùng chiều, từ phía sau vượt lên bên trái xe ô tô của Đ nên Đ quay mặt sang bên trái nhìn, cười với người trong xe ô tô khách màu xanh. Do không chú ý quan sát, không giữ khoảng cách an toàn, nên phần đầu bên phải xe ô tô biển số 47B-005.29 do Đ điều khiển đã tông vào đầu tay lái bên trái của xe mô tô biển số 79-254NU do chị N điều khiển làm xe mô tô va đập vào cửa lên xuống bên phải của xe ô tô biển số 47B-005.29; sau đó, xe mô tô và chị N ngã xuống đường. Sau khi xảy ra tai nạn, Đ điều khiển xe ô tô chạy thêm 37,3m thì dừng lại. Hậu quả: Chị Huỳnh Khánh N chết trên đường đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh G .

Bị cáo PHAN VĂN Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 658/GĐPY ngày 08-11-2019 của Phòng KTHS Công an tỉnh G, kết luận nguyên nhân chị Huỳnh Khánh N chết là do: “*Chấn thương sọ não*”.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định:

Hiện trường vụ tai nạn giao thông là đường N, là đường đôi, có dải phân cách cố định ở giữa tim đường, đoạn đường có chiều rộng 10,6m, được rải nhựa bằng phẳng, theo hướng P đi H, đoạn đường được lắp đặt biển báo hiệu giao thông P.135 hết tất cả các lệnh cấm.

Xác định trụ điện số 476/E42 làm điểm mốc cố định, mép đường bên phải đường N theo hướng P đi H làm mép đường chuẩn để đo các dấu vết vào mép đường chuẩn.

Tại hiện trường phát hiện vết cày (1) diện (0,78 x 0,02)m, có chiều ngã tư P đi H, điểm đầu (1) cách mép đường chuẩn 2,35m, điểm cuối (1) cách mép đường chuẩn 2,1m. Từ điểm cuối (1) theo hướng ngã tư P đi H khoảng cách 1,9m phát hiện xe mô tô biển số 79-254NU (2) dựng đứng trên mặt đường, đầu xe chéch về hướng đi H, đuôi xe chéch về hướng ngã tư P. Tâm trục bánh trước xe mô tô cách mép đường chuẩn 0,65m, tâm trục bánh sau xe mô tô cách mép đường chuẩn 0,45m. Từ tâm trục bánh trước xe mô tô 79-254NU theo hướng ngã tư P đi H 37,3m phát hiện xe ô tô biển số 47B-005.29 (3) sau tai nạn đổ trên mặt đường, đầu xe chéch về hướng đi H, đuôi xe chéch về hướng đi ngã tư P. Tâm trục bánh trước bên phải xe ô tô cách mép đường chuẩn 2,4m, tâm trục bánh sau bên phải xe ô tô cách mép đường chuẩn 2,5m.

Từ tâm trục bánh trước bên phải xe ô tô 47B-005.29 đến trụ điện số 476/E42 làm điểm mốc cố định là 12,6m.

Kết quả khám xe mô tô biển số 79-254NU:

Xe mô tô biển số 79-254NU, nhãn hiệu Honda, loại xe C50, dài 169cm, cao 102cm, chiều rộng tay lái 64cm, dung tích xi lanh 49cm³, số máy 8072398, số khung 8072431, gương chiếu hậu hai bên không có (xe màu trắng xanh). Đèn tín hiệu phía trước bên trái bị bể, vỡ hộp đèn diện (5,1 x 3,9)cm, tâm vết cách mặt đất 93cm. Tại vị trí đầu tay nắm bên trái phía trước bị mài mòn cao su diện (1,9 x 2,3)cm, tâm vết cách mặt đất 90,2cm, chiều hướng vết mài mòn từ trước ra sau, từ phải qua trái. Tại vị trí đầu gác để chân sau bên trái (vị trí trước, trên) bị mài mòn kim loại diện (2,9 x 0,7)cm, chiều hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, tâm vết cách mặt đất 29cm. Tại vị trí khung kim loại bảo vệ đuôi xe bên trái có dính

chất màu vàng diện (3,2 x 0,2)cm, tâm vết cách mặt đất 67,8cm. Đèn tín hiệu sau bên trái bị vỡ hộp đèn, lộ chi tiết bảng đèn bên trong, viền xung quanh khung đèn có dán băng keo đen, bị rách nham nhở, đo vòng tròn 23cm, mặt trong băng keo dính nhiều mảnh sơn nhỏ màu vàng, nằm rải rác trong diện (7,2 x 0,4)cm. Tại vị trí mặt trên đèn tín hiệu sau bên trái (vị trí gắn băng keo đen) có dính mảnh nhựa của hộp đèn, màu cam. Đo từ tâm trục bóng đèn đến mặt đất 55,2cm. Đo từ tâm trục bóng đèn vào dè chắn bùn bánh sau 8,5cm. Vị trí mặt ngoài phía trước đèn tín hiệu sau bên trái bị mài mòn kim loại diện (2,5 x 0,4)cm, tâm vết cách mặt đất 56cm. Chốt bắt cố định đèn tín hiệu sau bên trái bị gãy làm toàn bộ trục đèn tín hiệu sau bên trái rời khỏi vị trí cố định so với vị trí ban đầu 0,7cm. Kiểm tra các chi tiết biển số, đèn stop, dè chắn gió hai bên và các chi tiết khác không phát hiện dấu vết gì liên quan.

Về kỹ thuật an toàn phương tiện: Nổ máy xe hoạt động bình thường. Hệ thống đèn: Chiều sáng trước hoạt động, hệ thống đèn tín hiệu trước, sau, phải, trái, đèn stop không hoạt động. Hệ thống phanh, còi: Kiểm tra phanh chân tĩnh hoạt động đảm bảo, phanh tay đơ cứng không hoạt động, còi không hoạt động. Qua định giá, xác định chiếc xe mô tô biển số 79-254NU có trị giá thiệt hại theo giá thị trường là 140.000 đồng..

Kết quả khám xe ô tô biển số 47B-005.29:

Xe ô tô biển số 47B-005.29, nhãn hiệu Thaco, loại xe khách, màu sơn vàng-đỏ, số khung 3SAKCC000290, số máy D6CAC230420, số loại HB120SLD. Tại vị trí mặt ngoài ốp bảo vệ đèn chiếu sáng phía trước đầu xe bên phải có vết hằn nhựa màu đen diện (7,1 x 0,4)cm, chiều hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái, đầu vết cách cạnh ngoài bên phải ốp đèn chiếu sáng 3,1cm, cách mặt đất 101cm. Tại vị trí mặt ngoài cửa lên xuống phía trước bên phải xe có vết hằn nhựa màu đen kéo dài trong diện (36,2 x 1,4)cm, chiều hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, đầu vết cách mặt đất 102cm, cách vết tại vị trí mặt ngoài ốp bảo vệ đèn chiếu sáng phía trước đầu xe bên phải 19,2cm. Tại vị trí mặt ngoài ốp bảo vệ thân xe phía trước bên phải (vị trí gắn đèn tín hiệu phía trước bên phải thân xe) có dính chất nhựa màu đen diện (25,2 x 1,9)cm, chiều hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới. Đầu vết cách mặt đất 53cm, cách điểm đầu vết hằn nhựa tại cửa lên xuống bên phải xe 142,3cm. Tại vị trí đuôi vết hằn nhựa này có vết bong tróc sơn vàng trong diện (9,2 x 6,7)cm, chiều hướng từ trước ra sau, tâm vết cách mặt đất 50,5cm. Cách tâm vết bong tróc sơn lên phía trên (mặt ngoài ốp nhựa thân xe) có vết hằn nhựa màu đen trong diện (24 x 2,4)cm, chiều hướng từ trước ra sau. Đầu vết cách mặt đất 66,2cm. Cách tâm vết hằn nhựa này xuống mặt dưới 3,5cm phát hiện vết bong tróc sơn diện (19,2 x 1,1)cm, chiều hướng từ trước ra sau. Tại vị trí mặt trong kẻ giữa hai mảnh ốp nhựa thân xe phía trước bên phải phát hiện mảnh nhựa màu cam, bên

ngoài dính băng keo đen diện (6,4 x 3,4)cm (là mảnh nhựa của đèn tín hiệu bị vỡ của xe mô tô 79-254NU). Tiến hành thu mẫu bỏ vào một bì thư màu trắng, xanh niêm phong theo quy định.

Tiến hành đo đạc, khám xét xe trong điều kiện máy nổ, lốp được nâng, không có hàng hóa trên xe (xe không). Do dấu vết hằn nhựa tại mặt ngoài ốp bảo vệ đèn chiếu sáng phía trước bên phải xe hiện N là 101cm, chênh lệch 10,2cm so với thời điểm kiểm tra xem xét tại cùng vị trí nêu trên trong ngày 26/10/2019 (thời điểm khám nghiệm hiện trường, khám xe), lái xe PHAN VĂN Đ khai vào ngày 26/10/2019, trên xe có tải hàng hóa, hành khách khoảng 3 đến 4 tấn. Đặc điểm phương tiện: Xe ô tô có số khung, số động cơ đúng với đăng ký, đúng với giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; kích thước bao, chiều dài cơ sở, vệt bánh xe đúng với giấy chứng nhận đăng kiểm. Thân, vỏ xe: Đầy đủ chi tiết, liên kết chắc chắn. Động cơ, hệ thống chuyển lực: Đầy đủ chi tiết, hoạt động ổn định. Bánh xe, vành bánh xe: Đủ số lượng, đúng kích cỡ, chất lượng đảm bảo. Hệ thống chiếu sáng, tín hiệu: Đầy đủ chi tiết, hoạt động ổn định. Hệ thống lái: Đầy đủ chi tiết, hoạt động ổn định, điều khiển nhẹ nhàng, chính xác, không bó kẹt. Hệ thống phanh: Đầy đủ chi tiết, hoạt động ổn định, hiệu quả phanh đều ở các bản trục. Thử phanh đỗ, chiều dốc lên, dốc xuống: Hiệu quả phanh đảm bảo. Thử phanh chính: Thử phanh trên đường nhựa khô ráo, xe không tải, tốc độ xe chạy 30km/h. Quãng đường phanh thu được 5,7m, hành lang phanh đảm bảo. Các hệ thống, tổng thành khác: Đầy đủ chi tiết, liên kết chắc chắn, hoạt động ổn định.

Tại Bản Kết luận giám định tư pháp ngày 21/02/2019 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Gia Lai, xác định: Xe ô tô biển số 47B-005.29 tại thời điểm giám định, xe có các hệ thống, tổng thành, chi tiết liên kết chắc chắn, đảm bảo tính năng hoạt động. Qua định giá, xác định chiếc xe ô tô biển số 47B-005.29 có trị giá thiệt hại theo giá thị trường là 1.800.000 đồng.

Tại Bản Kết luận giám định 1218/C09C(Đ4) ngày 31/12/2019 của Phân viện KHHS tại Đà Nẵng, xác định: Mảnh nhựa màu cam trên có dính băng keo màu đen (ghi thu trên xe ô tô BKS 47B-005.29), ký hiệu 01 gửi giám định cùng loại với mảnh nhựa màu cam dính trên băng keo màu đen quần quanh đèn tín hiệu sau (bên trái của xe mô tô BKS 79-254NU), ký hiệu 02 gửi làm mẫu so sánh.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 47/CT-VKS ngày 17-3-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo PHAN VĂN Đ về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo PHAN VĂN Đ và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo PHAN VĂN Đ phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo PHAN VĂN Đ với mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận vì việc làm của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh G; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh G trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo PHAN VĂN Đ phạm tội như sau:

Vào khoảng 16 giờ 40 phút ngày 26-10-2019, PHAN VĂN Đ điều khiển xe ô tô biển số 47B-005.29 lưu thông trên đường N, hướng ngã tư H đi ngã ba H. Khi vừa đi qua ngã ba đường N – P thuộc địa phận Tổ 4, phường P, TP P, tỉnh G, Đ điều khiển xe lưu thông ở làn giữa, sát vạch sơn trắng chia làn giữa và làn trong cùng đường N, do không chú ý quan sát, không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy liền trước nên phần đầu bên phải xe ô tô do Đ điều khiển đã tông vào đầu tay lái bên trái xe mô tô do chị Huỳnh Khánh N điều khiển. Hậu quả: Chị Huỳnh Khánh N chết trên đường đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh G; xe mô tô bị hư hỏng thiệt hại 140.000 đồng; xe ô tô bị hư hỏng thiệt hại 1.800.000 đồng.

Tại khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an

toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

... ”.

Phương tiện giao thông cơ giới khi tham gia giao thông là nguồn nguy hiểm cao độ. Vì vậy, đòi hỏi mọi công dân khi cho xe lưu thông đều phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, nhằm đảm bảo an toàn về tính mạng, sức khỏe cho chủ sở hữu cũng như mọi người xung quanh.

Bị cáo PHAN VĂN Đ có giấy phép lái xe hạng E theo quy định, khi lưu thông trên đường bị cáo không tuân thủ các nguyên tắc đảm bảo an toàn giao thông, điều khiển xe khi đến ngã tư nơi chuyển hướng xe chạy, tầm nhìn bị hạn chế nhưng không chú ý quan sát để đảm bảo an toàn nên gây ra vụ tai nạn giao thông, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29-8-2019 của Bộ Giao thông vận tải và các Điều 4, 8 và 12 Luật giao thông đường bộ. Hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là làm chết 01 người nên đã phạm vào tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 260 Bộ luật Hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo cải tạo bản thân tiến bộ là cần thiết.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải; Bị cáo cùng với chủ sở hữu xe ô tô 47B-005.29 đã tự nguyện bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả; người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mặt khác, bố mẹ của bị cáo là người có công với cách mạng, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Để quyết định mức hình phạt chính xác, phù hợp, vừa đảm bảo tác dụng cải tạo, răn đe và phòng ngừa chung. Đồng thời nêu cao tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật. Qua xem xét, bị cáo Đ có nhân thân tốt, có các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, đối chiếu với các quy định tại Điều 31, 32, 50, 65 của Bộ luật hình sự. Xét nên áp dụng hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo, bên cạnh sự giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục bị cáo.

[4] Về dân sự: Sau khi xảy ra vụ tai nạn giao thông, bị cáo PHAN VĂN Đ và chủ sở hữu xe ô tô biển số 47B-005.29 là chị Trần Thị T đã bồi thường cho các đại diện hợp pháp của bị hại Huỳnh Khánh N số tiền 180.000.000 đồng. Hiện các đại diện hợp pháp của bị hại N không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 xe ô tô biển số 47B-005.29, loại phương tiện ô tô khách, nhãn hiệu Thaco, màu sơn vàng đỏ, số máy D6CAC230420DL, số khung 3SAKCC000290 và 01 xe mô tô biển số 79-254NU, nhãn hiệu Honda, loại xe C50, số máy 8072398, số khung 8072431, sau khi khám nghiệm dấu vết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã trả cho chủ sở hữu là chị Trần Thị T và đại diện hợp pháp của bị hại N là ông Huỳnh Nô là phù hợp nên HĐXX không giải quyết.

- Đối với 01 Giấy phép lái xe hạng E số 420989000097 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06-12-2018 mang tên PHAN VĂN Đ. Xét đây là giấy tờ của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo Đ.

- Đối với 01 mảnh nhựa màu cam, bên ngoài dính băng keo màu đen kích thước (6,4 x 3,4)cm (mảnh nhựa cũ, bị vỡ) và 01 đèn tín hiệu sau bên trái cùng chuôi đèn bằng kim loại, bề mặt đèn còn sót lại băng keo đen có kích thước (11,3 x 6,9)cm. Xét đây là tang vật của vụ án không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo PHAN VĂN Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo PHAN VĂN Đ;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo PHAN VĂN Đ phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo PHAN VĂN Đ 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án 08-5-2020.

Giao bị cáo PHAN VĂN Đ cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án

treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử:

- Trả lại cho bị cáo PHAN VĂN Đ 01 Giấy phép lái xe hạng E số 420989000097 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Đ cấp ngày 06-12-2018 mang tên PHAN VĂN Đ.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) mảnh nhựa màu cam, bên ngoài dính băng keo màu đen kích thước (6,4 x3,4)cm. (mảnh nhựa cũ, bị vỡ) và 01 (một) đèn tín hiệu sau bên trái cùng chuỗi đèn bằng kim loại, bề mặt đèn còn sót băng keo đen có kích thước (11,3x6,9)cm.

(Tất cả theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai ngày 14-4-2020).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo PHAN VĂN Đ phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo PHAN VĂN Đ có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. P;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

